

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 73/2019/DS-ST
Ngày : 19-11-2019
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Lê Quốc Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 134/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXDS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh P. Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Trần Văn C. Địa chỉ: đường Lê Hữu N, phường 4, thành phố A, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T.

Bà Nguyễn Hồng T.

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-7-2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 25/12/2018, ông P có cho ông T vay 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, khi vay ông T có ký giấy nhận nợ với ông P. Mục đích vay của ông T là mua bán thanh long. Đến hạn thanh toán ông T không trả vốn và lãi theo thỏa thuận, ông P đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông T không trả vốn vay và lãi cho ông P. Do đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân nên ông P yêu cầu ông T, bà T

phải liên đới trả cho ông P 70.000.000 đồng vốn vay và 06 tháng tiền lãi với lãi suất là 0,8%/ tháng là 3.360.000 đồng (25/12/2018- 25/6/2019), tổng cộng vốn và tiền lãi chậm trả là 73.360.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 01/7/2019.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/8/2019, bà Nguyễn Hồng T là bị đơn trình bày: Ông T vay tiền ông P như thế nào thì bà không biết, nên trước yêu cầu của ông P, bà không đồng ý. Việc ông T vay tiền ông P thì ông T tự trả cho ông P, bà T vắng mặt không có lý do.

Ông Võ Văn T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông P yêu cầu ông T, bà T trả 70.000.000 đồng nợ vốn vay và lãi suất là 3.360.000 đồng. Bà Tt cho rằng việc ông T vay tiền của ông P thì bà không biết nên bà không đồng ý trả cho ông P. Xét đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc ông T, bà T phải liên đới trả cho ông P vốn vay và lãi là 73.360.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Thanh P khởi kiện ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hồng T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T, bà T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy ông P yêu cầu ông T, bà T phải liên đới trả cho ông P 70.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi là 3.360.000 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải, đối chất nhưng ông T, bà T vắng mặt không có lý do. Ông T, bà T là vợ chồng, các bên phát sinh việc vay mượn trong thời kỳ hôn nhân, ông T vay tiền nhằm mục đích mua bán thanh long là phục vụ cho cuộc sống gia đình. Bà T cho rằng ông T vay tiền của ông P bà không biết và không đồng ý trả tiền cho ông P là không có cơ sở, chấp nhận lời trình bày của bà Tt. Ông T, bà T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T, bà T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P buộc ông T, bà T liên đới trả cho ông P 73.360.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát: Về toàn bộ nội dung vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông T, bà T phải chịu án phí theo quy định. Ông P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hồng T.

Buộc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Hồng T phải liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh P 70.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi chậm là 3.360.000 đồng, tổng cộng là 73.360.000 đồng (bảy mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông P không phải chịu phí dân sự sơ thẩm, ông P được nhận lại 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002208 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông T, bà T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.668.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí